LONG AN – THỦ THỪA, TÂN THẠNH, VÀM CỎ TÂN AN, CẦN ĐƯỚC, ĐỨC HÒA, BẾN LỨC ĐỨC HUỆ
TIỀN GIANG – CHÂU THÀNH
T.P. HỒ CHÍ MINH – BÌNH CHÁNH

TÂN AN

MẶT

SỐ HIỆU U.T.M 6230 II

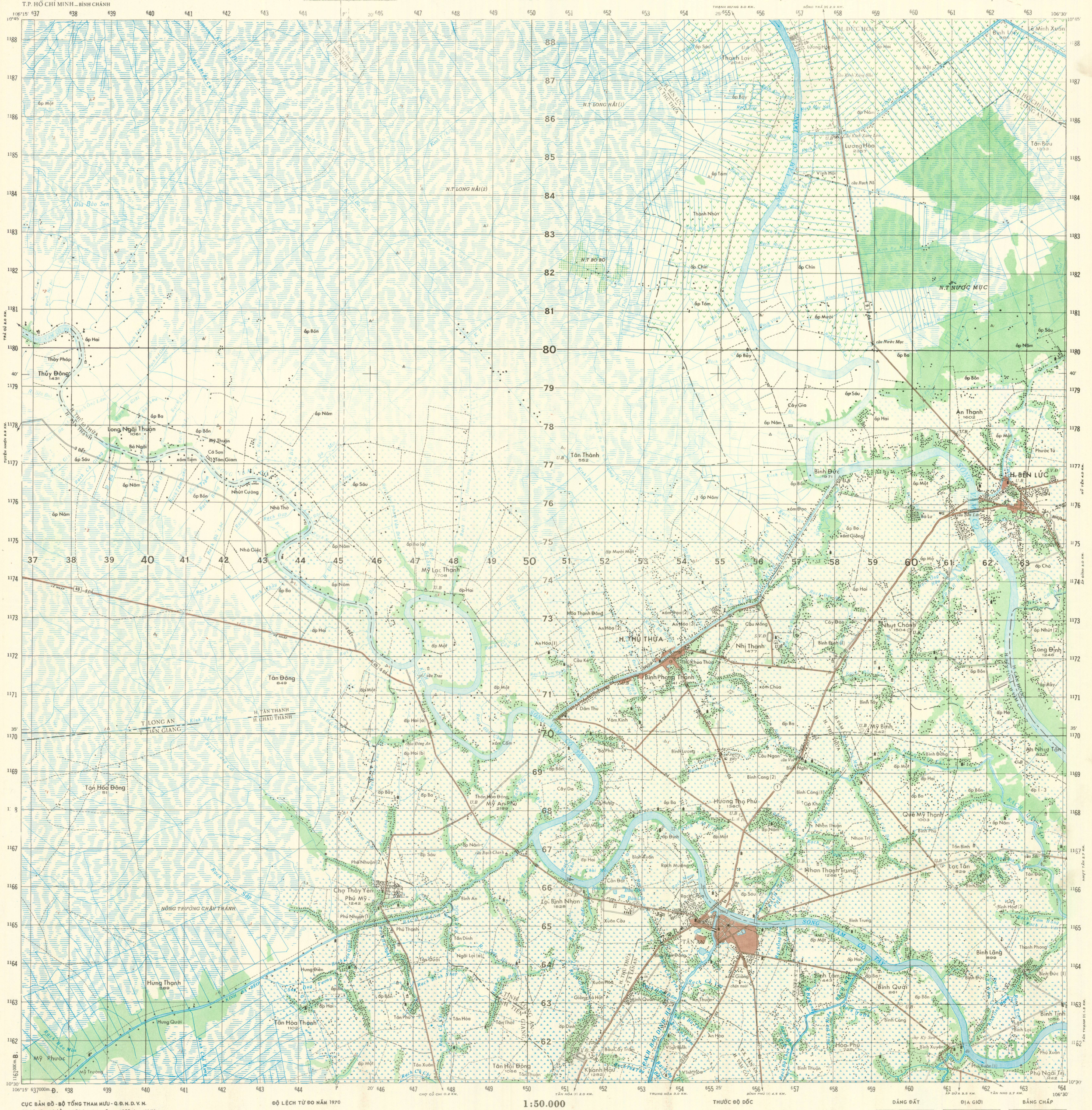

CỤC BẢN ĐỒ - BỘ TỔNG THAM MƯU - Q.Đ.N.D.V.N.

Tái bản lần thứ bảy tại Đà lạt tháng 8 năm 1990 theo tài liệu:
1 – 1: 50.000 U.T.M in năm 1988
2 – Ranh giới hành chính, địa danh chỉnh lý theo tài liệu năm 1983
3 – Đường sá chỉnh lý theo tài liệu năm 1986

ĐỘ LỆCH TỪ ĐO NĂM 1970

GÓC ĐỘ	LY GIÁC 6000	LY GIÁC 6400
0°15'	0-04	0-04
0°25'	0-07	0-07
0°40'	0-11	0-12

1:50.000

1cm bằng 500m thực địa

Độ cao cao nhất dưới 5m

E-LÍP QUẢ ĐẤT Ê-VƠ-RÉT, CHIẾU HÌNH U.T.M, MÚI 48

GỐC ĐẠI ĐỊA ẤN ĐỘ 1960. GỐC ĐỘ CAO HÀ TIÊN

THƯỚC ĐỘ DỐC

Đề đo khoảng cao dầu 20m

Đề đo khoảng cao dầu 100m

DÁNG ĐẤT

ĐỊA GIỚI

BẢNG CHẮP

6230 IV	6230 I	6330 IV
6230 III	6230 II	6330 III
6229 IV	6229 I	6329 IV

TÂN AN 6230 II

Đường sắt rộng 1m
Đường sắt rộng 1m43
Đường sắt lồng 1m và 1m43
Đường goòng, đường xe điện
Đường sắt đang làm hoặc bóc ray
Đường hầm
Đường sắt và nhà ga
Đường rẽ trong ga
Đường ô tô lớn
Đường quốc lộ. Tên đường. Tính chất rải mặt
Liên tỉnh lộ, tỉnh lộ. Tên đường. Tính chất rải mặt
Đường ô tô không rải mặt. Độ rộng mặt đường

Đường ô tô đang làm
Đường đất nhỏ
Đường mòn
Đường đắp cao, xẻ sâu
Đê ô tô không đi được
Biên giới nước. Cột mốc
Địa giới tỉnh, thành phố
Địa giới quận, huyện, thị x3
Địa giới xã, thị trấn
Các loại ranh giới khác
Tường và cổng thành
Các loại tường vây

Khu phố nhà gạch
Khu phố nhà lá
Khu phố bị phá hoại
Làng, xóm, bản
Nhà đặt xuất
Nhà máy có ống khói, không có ống khói
Ống khói nhà máy. Trạm khí tượng
Trạm bưu điện. Trạm thu phát tín hiệu
Trạm phát điện, biến thế điện. Lò nung
Tháp, cột cao. Tháp cổ
Sân vận động. Sân kho hợp tác xã
Nghĩa trang, nghĩa địa

Tượng đài, bia Hang
Nhà thờ, đình, chùa lớn
Nhà thờ, đình, chùa nhỏ
Trường học. Bệnh viện
Chợ. Lò cốt
Kho nhiên liệu. Đá độc lập
Cây độc lập. Đám cây có ý nghĩa phương vị
Sân bay cấp 1, 2, 3, cấp 4
Hầm mỏ : Đang khai thác; ngừng khai thác
Mỏ lộ thiên
Độ cao : Đã kiểm tra; chưa kiểm tra
Trụ sở U. B. N. D xã, thị trấn, huyện, quận, tỉnh, thành phố

Đường dây điện cao thế
Đường ống dẫn nước, dầu, khí
Giếng nước. Nguồn nước
Ruộng muối
Khúc sông chảy ngầm
Mương đào
Mương có bờ đắp 2 bên, 1 bên
Sông hồ có nước quanh năm
Sông hồ có nước từng mùa
Dốc đứng liền bờ
Dốc đứng xa bờ
Hướng nước chảy

Cầu tầng ô tô đi trên
Cầu đường sắt và đường ô tô đi chung
Cầu đường sắt và đường ô tô đi sát nhau
Ngầm ô tô qua được
Bến phà
Bến đò
Thác
Ghềnh
Đập ô tô qua được
Đập ô tô không qua được
Âu thuyền
Cầu, cống

Bãi cát, sỏi, cuội
Bãi bùn,
Bãi đá lởm chởm
Bờ có gia cố
Kè cản nước, đê chắn sóng
Cột tín hiệu. Cầu tàu kiểu đê
Bến tàu thuyền, chỗ bỏ neo
Đèn biển
Chỗ tàu đắm
Đá nhô trên mặt nước. Đá ngầm
Đá lúc nhô lên, lúc ngầm. San hô
Đường bình độ sâu. Điểm độ sâu

Rừng già
Rừng thưa, bụi rậm.
Rừng người trồng cao trên 4m
Rừng người trồng từ 4m trở xuống
Ruộng lúa
Hoa màu
Bãi cát, sỏi trên cạn
Bãi đá tảng
Núi đất
Núi đá
Vẽ bằng đường bình độ
Vẽ bằng nét chải tượng trưng